

Số: /GPMT-SNNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/03/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 442/QĐ-SNNMT ngày 26/02/2026 về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và môi trường; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác của Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét Văn bản số 57/CV-NH ngày 06/12/2025 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 05/CV-CTNH ngày 16/03/2026 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà, địa chỉ trụ sở chính tại: Thôn Đông Lai, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà” tại thôn Đông Lai, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đông Lai, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100957353, đăng ký lần đầu ngày 19/11/1999, thay đổi lần thứ 14 ngày 03/02/2026. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh Nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0100957353.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc (không bao gồm: hoạt động của các cơ sở điều dưỡng, dịch vụ y tế, dịch vụ chăm sóc sức khỏe); Kết hợp các dịch vụ vui chơi, nghỉ dưỡng sinh thái trên cơ sở duy trì, bảo vệ và phát triển rừng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Dự án được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 148.513 m², gồm các hạng mục: Đất xây dựng công trình dự án diện tích 7.360 m²; đất lâm nghiệp – đồi núi rừng 141.153 m²(trong đó bao gồm: cây xanh, sân vườn, đường dạo, đường giao thông). Quy mô khoảng 500 người cao tuổi (theo các Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 24/06/2010, số 728/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).

- Quy mô: dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi cấp phép: Các hạng mục của dự án Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Ngọc Hà trên tổng diện tích 148.513 m² (trừ phần diện tích của Khu câu lạc bộ người cao tuổi: 2.870 m²), bao gồm:

+ Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi: diện tích 13.000 m²

+ Khu Chăm sóc đặc biệt: diện tích: 2.500 m²

+ Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên: diện tích 4.450 m²

(Theo Giấy phép xây dựng số 38/GPXD ngày 23/09/2022 của UBND huyện Sóc Sơn).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Giấy phép môi trường này chỉ phục vụ cho công tác quản lý môi trường của dự án, không sử dụng cho các mục đích khác

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày.....thángnăm 2036).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với UBND xã Nội Bài và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; | (để b/cáo)
 - Giám đốc Sở;
 - UBND xã Nội Bài;
 - Văn phòng Sở NNMT (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở);
 - Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà;
 - Lưu: VT, QLMT.
- MHS: H26.103-251224-0010

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu chăm sóc đặc biệt.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa ngược hệ thống lọc nước bể bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước dọc tuyến Đường 35 xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải: Rãnh thoát nước dọc tuyến Đường 35 xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°): X= 2353149; Y= 584254.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung và QCVN 40:2025/BTNMT (cột B - đối với thông số STT 12) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(*)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ^(**)
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90		
	Hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	≤ 45		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤ 8,0		

6	Tổng Nito (T-N)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	$\leq 6,0$		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	$\leq 0,5$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	$\leq 5,0$		
12	Clo dư	mg/l	$\leq 2,0$		

(*)(**) Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

*** Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi (Nước thải xí tiêu; Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn; Nước thải khu bếp).**

- Nước thải xí tiêu → ống D110-D125 → 05 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích V= 64 m³) → ống D200-300 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn → ống D110-D300 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Nước thải khu bếp → ống PVC D125 → bể tách mỡ (thể tích V= 18 m³) → ống D200-300 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

*** Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên (Nước thải xí tiêu; Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn).**

- Nước thải xí tiêu → ống D110-D125 → 02 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích V= 16 m³) → ống D200-300 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn → ống D110-D200 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

*** Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu chăm sóc đặc biệt (Nước thải xí tiêu; Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn; Nước thải khu bếp).**

- Nước thải xí tiêu → ống D110-D125 → 02 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích V= 20 m³) → ống D200 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ bồn rửa tay, thoát sàn → ống D110-D200 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Nước thải khu bếp → ống PVC D125 → bể tách mỡ (thể tích V= 12 m³) → ống D200 → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

*** Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa ngược hệ thống lọc nước bể bơi.**

- Nước thải → ống D110 → hố gom (thể tích V= 0,5 m³) → hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

Thoát nước thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm, đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, cột B) được xả vào rãnh thoát nước dọc tuyến Đường 35 xã Nội Bài, thành phố Hà Nội qua 01 điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải:

a) Bể tự hoại: Xử lý sơ bộ nước thải xí, tiêu.

- Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi: 05 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 64 m³.
- Khu dịch vụ và nhà nghỉ nhân viên: 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 16 m³.
- Khu chăm sóc đặc biệt: 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 20 m³.

b. Bể tách mỡ:

- Khu trung tâm chăm sóc người cao tuổi: 01 bể tách mỡ, thể tích 18 m³.
- Khu chăm sóc đặc biệt: 01 bể tách mỡ, thể tích 12 m³.

c. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: 01 hệ thống xử lý.

- Vị trí: Phía Đông Nam của Dự án.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Tách rác thô → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (đạt QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột B) → Rãnh thoát nước dọc tuyến Đường 35 xã Nội Bài.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Viên nén khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải được tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Chủ dự án đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 120 m³/ngày đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào (bể điều hòa) và 01 mẫu nước thải đầu ra (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của dự án.

3.3. Thông báo thời điểm vận hành thử nghiệm tới Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo quy định tại khoản 5 và thực hiện trách nhiệm trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.4. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước thải sau xử lý, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm quy định tại Giấy phép này trước khi xả ra môi trường.

3.5. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải vượt giới hạn cho phép tại Giấy phép này.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực đặt máy thổi khí của HTXL nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01:

Tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2353162; Y = 584242;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường về tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA):

- Áp dụng giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026.

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

- Áp dụng giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn kể từ ngày 01/01/2027.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ
Khu vực A	50	45	40
Khu vực B	55	50	45
Khu vực C	60	55	50
Khu vực D	65	60	55
Khu vực E	70	65	60

3.2. Độ rung (đơn vị dB):

- Áp dụng giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung quy định tại QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

- Áp dụng giá trị tối đa cho phép đối với mức gia tốc rung quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung kể từ ngày 01/01/2027.

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ
Khu vực A	60	55
Khu vực B	65	60
Khu vực C	70	65
Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc (độ mài mòn các chi tiết máy, tra dầu mỡ, bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết mài mòn) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn;

- Nền bê máy thiết bị xây bằng phẳng, chắc chắn, lắp đặt các tấm đệm, lò xo giảm chấn, long đen vĩnh tại các chân bê máy nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc;

- Bố trí các máy móc hợp lý, tránh để các máy gây ồn cùng hoạt động một lúc gây cộng hưởng tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày / /2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng dự kiến (kg/năm)
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	19 02 06	100
2	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	5
3	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	20
4	Pin thải	Rắn	16 06 12	10
Tổng				135

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng khoảng 486 kg/ngày tương đương khoảng 177,4 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

+ Bùn thải từ bể tự hoại: 26,25 tấn/năm.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải của dự án: 6,75 tấn/năm.

+ Bùn nạo vét hố ga thoát nước mưa, nước thải: 9,00 tấn/năm.

+ Vật liệu đóng gói, găng tay cũ, giẻ lau không chứa thành phần nguy hại: 0,48 tấn/năm.

+ Giấy, bì carton, bao bì nhựa thải: 2,70 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa riêng biệt (dung tích 60 lít) bằng nhựa, có nắp đậy, bánh xe, dán mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho chứa CTNH riêng biệt tại tầng trệt khu nhà trung tâm chăm sóc người cao tuổi, diện tích 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nhà kho kết cấu bê tông cốt thép, sàn nhà có khả năng chống thấm, không phát tán, rò rỉ chất thải, cửa kho có biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trực tiếp trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực/kho lưu chứa:

- Đối với bùn bể tự hoại: Lưu trong 09 bể tự hoại 3 ngăn của dự án.

- Đối với bùn của hệ thống xử lý nước thải: lưu tại 01 bể chứa bùn của hệ thống XLNT công suất 120 m³/ngày đêm.

- Chủ Dự án sẽ thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn khu nhà trung tâm chăm sóc người cao tuổi, khu dịch vụ và nhà nghỉ cho nhân viên, khu chăm sóc đặc biệt: Được đựng vào thùng rác nhỏ ngay tại góc phòng (loại thùng nhựa loại 5lít/thùng), số lượng 180 thùng.

- Đối với chất thải từ hoạt động nấu ăn khu nhà trung tâm chăm sóc người cao tuổi và khu chăm sóc đặc biệt: Phân loại thành 2 loại là chất thải rắn vô cơ không có khả năng tái chế như túi nilon,... và chất thải rắn hữu cơ bao gồm vỏ rau củ quả, cơm thừa,... được đựng vào 06 thùng riêng biệt bằng nhựa, dung tích 120 lít trong khu bếp, thu gom với tần suất 1 lần/ngày về khu vực tập trung chất thải rắn thông thường.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- 01 khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt tập trung được bố trí riêng biệt tại tầng trệt khu nhà trung tâm, diện tích 15m². Tại khu vực lưu chứa bố trí 02 xe đẩy dung tích 500 lít/xe, có bánh xe để thu gom, lưu giữ rác thải, được dán nhãn đầy đủ và phân loại theo quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: kết cấu bê tông cốt thép, có mái che, có cửa bảo vệ, đèn, lắp đặt biển báo và trang bị thiết bị PCCC.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

Các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường mà chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này, cụ thể như sau:

Khu Câu Lạc bộ: diện tích 2.870 m²

(Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Hà cần được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hoàn thiện các thủ tục về thuê môi trường rừng trước khi xây dựng công trình theo hướng dẫn của Chi cục Kiểm lâm tại Văn bản số 336/KL-SD&PTR ngày 19/06/2023).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công các hạng mục công trình còn lại của cơ sở.

2. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

6. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do hóa chất, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

8. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

